

Số: /TB-CCTS

Quảng Trị, ngày 15 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 8, thu mẫu ngày 09/9/2024

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về Quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025; năm 2024, Chi cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh, trong đó thực hiện quan trắc tại 16 điểm nước cấp trên địa bàn 15 xã, phường của 05 huyện, thành phố có hoạt động nuôi tôm¹.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nhận xét kết quả phân tích và khuyến cáo của Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc tại Thông báo số QTQT240910 ngày 14/9/2024, Chi cục Thủy sản thông báo kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 8, thu mẫu ngày 09/9/2024, cụ thể như sau:

Phần I. Thông tin chung điểm quan trắc

Bảng 1. Thông tin địa điểm thu mẫu

Stt	Địa điểm lấy mẫu	Toạ độ	
1	Huyện Vĩnh Linh	1. Xã Vĩnh Thái (VT): nguồn nước cấp ven biển thôn Tân Hòa.	17.144809, 107.018466
		2. Xã Vĩnh Sơn 1 (VS1): nguồn nước cấp ven sông tại Cống Ba Cựa.	17.004360, 107.044788
		3. Xã Vĩnh Sơn 2 (VS2): nguồn nước cấp ven sông tại chân cầu Tiên An.	16.972700, 107.033382
		4. Xã Vĩnh Lâm (VL): nguồn nước cấp ven sông tại chân cầu Châu Thị.	17.037659, 107.024472
		5. Xã Hiền Thành (HT): nguồn nước cấp ven sông tại hồ chứa khu nuôi tôm HTX NTTS Vĩnh Thành.	17.010744, 107.063689
		6. Xã Vĩnh Giang (VG): nguồn nước cấp ven	17.000154,

¹ Xã Vĩnh Sơn, xã Hiền Thành, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Thái thuộc huyện Vĩnh Linh; xã Trung Giang, xã Gio Mai thuộc huyện Gio Linh; xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu An, xã Triệu Vân, xã Triệu Lăng thuộc huyện Triệu Phong; xã Hải An thuộc huyện Hải Lăng; phường Đông Giang, phường Đông Lễ thuộc thành phố Đông Hà.

Stt	Địa điểm lấy mẫu		Toạ độ
		sông tại Bến Đò thôn Tùng Luật.	107098734
2	Huyện Gio Linh	7. Xã Trung Giang (TG): nguồn nước cấp ven biển thôn Nam Sơn.	17.003985, 107.115077
		8. Xã Gio Mai (GM): nguồn nước cấp ven sông thôn Mai Xá.	16.877005, 107.145400
3	Huyện Triệu Phong	9. Xã Triệu An (TA): nguồn nước cấp ven biển thôn Hà Tây.	16.881222, 107.218898
		10. Xã Triệu Vân (TV): nguồn nước cấp ven biển thôn 9.	16.872506, 107.227488
		11. Xã Triệu Lăng (TL): nguồn nước cấp ven biển thôn Ba Tư.	16.814136, 107.294745
		12. Xã Triệu Phước (TP): nguồn nước cấp ven sông thôn Hà La.	18.869130, 107.167754
		13. Xã Triệu Độ (TĐ): nguồn nước cấp ven sông tại Cầu Phao.	16.828320, 107.131726
4	Huyện Hải Lăng	14. Xã Hải An (HA): nguồn nước cấp ven biển thôn Thuận Đầu.	16.777794, 107.340943
5	Thành phố Đông Hà	15. Phường Đông Giang (ĐG): nguồn nước cấp ven sông tại hồ chứa HTX Đông Giang 2.	16.837688, 107.118808
		16. Phường Đông Lễ (ĐL): nguồn nước cấp ven sông khu phố Lập Thạch.	16.833642, 107.126739

Phần II. Thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước cấp

I. Kết quả phân tích mẫu

Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần tảo độc	Vibrio tổng số	<i>Vibrio parahae molyticus</i>
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml	
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3] ≤5000 ^[4]	[2]	≤1000 ^[1]	
I. Vùng nước cấp ven sông																		
1	Vĩnh Sơn 1	31,2	7,11	17	45	54,0	0,005	5,40	0,007	0,132	2,12	0,000	42,0	2,56	0	0	23	Âm tính
2	Vĩnh Sơn 2	30,8	7,13	18	35	72,0	0,005	5,80	0,009	0,551	1,35	0,000	72,0	3,04	0	0	27	Âm tính
3	Vĩnh Lâm	30,8	6,56	14	40	44,0	0,007	3,00	0,013	0,292	2,44	0,000	36,0	3,20	0	0	23	Âm tính
4	Hiền Thành	34,0	7,69	24	35	72,0	0,002	5,40	0,011	0,127	1,28	0,037	63,0	2,40	0	0	0	Âm tính
5	Vĩnh Giang	32,2	7,75	27	35	86,0	0,002	5,00	0,010	0,059	2,45	0,031	56,0	1,28	0	0	30	Âm tính
6	Gio Mai	29,7	7,58	22	45	94,0	0,000	5,00	0,010	0,041	3,12	0,000	77,0	1,60	0	0	0	Âm tính
7	Triệu Phước	30,1	7,72	22	40	90,0	0,000	6,00	0,009	0,041	1,44	0,000	83,0	1,28	0	0	63	Âm tính
8	Triệu Độ	30,0	7,68	18	35	78,0	0,000	6,40	0,019	0,089	2,32	0,034	56,0	1,92	0	0	0	Âm tính
9	Đông Giang	30,0	7,58	20	45	100,0	0,000	5,10	0,009	0,471	1,43	0,000	67,0	0,96	0	0	27	Âm tính
10	Đông Lễ	30,0	7,72	18	35	78,0	0,000	5,90	0,020	0,757	1,55	0,018	57,0	1,12	0	0	53	Âm tính

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần tảo độc	Vibrio tổng số	Vibrio parahaemolyticus
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml	
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3] ≤5000 ^[4]	[2]	≤1000 ^[1]	
II. Vùng nước cấp ven biển																		
11	Vĩnh Thái	31,5	7,96	35	80	110,0	0,000	6,70	0,002	0,131	2,31	0,000	64,0	0,80	0	0	0	Âm tính
12	Trung Giang	32,0	8,01	35	80	112,0	0,000	5,80	0,018	0,094	1,2	0,000	42,0	0,80	0	3 Tảo <i>Dinophysis caudata</i>	17	Âm tính
13	Triệu An	30,7	8,03	35	80	118,0	0,000	5,70	0,003	0,039	2,44	0,015	70,0	0,80	0	0	0	Âm tính
14	Triệu Vân	30,8	8,01	34	80	114,0	0,000	6,30	0,005	0,150	1,55	0,000	58,0	0,96	0	0	0	Âm tính
15	Triệu Lãng	30,8	8,01	33	75	108,0	0,000	6,20	0,005	0,196	2,34	0,000	50,0	0,80	0	0	53	Âm tính
16	Hải An	31,0	7,81	34	80	112,0	0,000	6,00	0,007	0,040	2,08	0,037	95,0	0,96	0	0	0	Âm tính

Ghi chú:

Ký hiệu ^[1]: TCVN 13656:2023: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

Ký hiệu ^[2]: TCVN 13951:2024: Nước nuôi trồng thủy sản - Nước biển - Yêu cầu chất lượng.

Ký hiệu ^[3]: QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

Ký hiệu ^[4]: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Đối với chỉ tiêu Coliform, ngưỡng giới hạn cho phép đối với vùng nước cấp ven sông áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT; vùng nước cấp ven biển áp dụng theo QCVN 10:2023/BTNMT.

II. Đánh giá chất lượng nước cho nuôi tôm nước lợ (AWQI)

Bảng 3. Kết quả đánh giá AWQI nước nguồn cấp

Stt	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu vượt ngưỡng	Khuyến cáo
1	Vĩnh Thái	90	RẤT TỐT	Độ mặn	Ổn định độ mặn
2	Vĩnh Sơn 1	98	RẤT TỐT	pH, độ kiềm	Ổn định pH, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
3	Vĩnh Sơn 2	96	RẤT TỐT	pH, độ kiềm	Ổn định pH, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
4	Vĩnh Lâm	83	TỐT	pH, DO, độ kiềm	Ổn định pH, nhiệt độ, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm, tăng cường chạy quạt khí trong chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
5	Hiền Thành	99	RẤT TỐT	Nhiệt độ, độ kiềm	Ổn định nhiệt độ, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
6	Vĩnh Giang	99	RẤT TỐT	Nhiệt độ, độ kiềm, độ mặn	Ổn định nhiệt độ, độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
7	Trung Giang	91	RẤT TỐT	Độ mặn	Ổn định độ mặn
8	Gio Mai	98	RẤT TỐT	Độ kiềm	Sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
9	Triệu An	90	RẤT TỐT	Độ mặn	Ổn định độ mặn
10	Triệu Vân	93	RẤT TỐT	Độ mặn	Ổn định độ mặn
11	Triệu Lăng	95	RẤT TỐT	Độ mặn	Ổn định độ mặn
12	Triệu Phước	97	RẤT TỐT	Độ kiềm	Sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi

Stt	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu vượt ngưỡng	Khuyến cáo
13	Triệu Độ	99	RẤT TỐT	Độ kiềm	Sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
14	Hải An	90	RẤT TỐT	Độ mặn	Ổn định độ mặn
15	Đông Giang	97	RẤT TỐT		
16	Đông Lễ	95	RẤT TỐT	Độ kiềm	Sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi

Ghi chú: Các chỉ tiêu dùng để tính toán chỉ số AWQI gồm: pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻, N-NH₄⁺, TSS và Vibrio tổng số.

III. Nhận xét kết quả phân tích

1. Xã Vĩnh Sơn 1 (cổng Ba Cựa)

Các thông số pH, độ kiềm lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,05 lần và 1,85 lần. Các thông số nhiệt độ, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

2. Xã Vĩnh Sơn 2 (chân cầu Tiên An)

Các thông số pH, độ kiềm lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,05 lần và 1,39 lần. Các thông số nhiệt độ, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

3. Xã Vĩnh Lâm

Các thông số pH, độ kiềm và oxy hòa tan lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,14 lần, 2,27 lần và 1,67. Các thông số nhiệt độ, độ mặn, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

4. Xã Hiền Thành

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,39 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Thông số nhiệt độ có giá trị cao hơn 1,06 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

5. Xã Vĩnh Giang

Các thông số nhiệt độ và độ mặn lần lượt có giá trị cao hơn hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,01 lần và 1,08 lần. Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,16 lần. Các thông số pH, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

6. Xã Gio Mai

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,06 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

7. Xã Triệu Phước

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,11 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

8. Xã Triệu Độ

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,28 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

9. Phường Đông Giang

Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

10. Phường Đông Lễ

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 1,28 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

11. Xã Vĩnh Thái

Thông số độ mặn có giá trị cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,4 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

12. Xã Trung Giang

Thông số độ mặn có giá trị cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,4 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước. Phát hiện tảo độc *Dinophysis caudata* trong mẫu nước với mật độ 3 Tế bào/L (Bảng 2).

13. Xã Triệu An

Thông số độ mặn có giá trị cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,4 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

14. Xã Triệu Vân

Thông số độ mặn có giá trị cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,36 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

15. Xã Triệu Lăng

Thông số độ mặn có giá trị cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,32 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

16. Xã Hải An

Thông số độ mặn có giá trị cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,36 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, H_2S , DO, $N-NO_2^-$, $N-NH_4^+$, $N-NO_3^-$, $P-PO_4^{3-}$, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

IV. Khuyến cáo

- Đối với vùng nước cấp ven biển có thông số độ mặn nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép (>25‰): cần tiến hành theo dõi, có biện pháp lưu trữ nước trong ao chứa, ao lắng và điều chỉnh độ mặn thích hợp (trong khoảng 7 - 25‰) trước khi cấp vào ao nuôi.

- Đối với các nguồn nước cấp vùng ven sông có các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm và oxy hòa tan nằm ngoài ngưỡng giới hạn cho phép, các chủ cơ sở nuôi cần thực hiện các biện pháp sau:

+ Nguồn nước cấp có nhiệt độ cao hơn giới hạn cho phép (>32° C): cần cấp nước vào ao chứa, ao lắng vào lúc trời mát (sáng sớm, chiều tối); trước khi cấp nước vào ao nuôi, cần kiểm tra lại nhiệt độ nước đảm bảo nằm trong khoảng thích hợp (26 - 32° C) và cấp từ từ để tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi.

+ Nguồn nước cấp có giá trị pH thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép (<7,5): cần tiến hành nâng pH trong ao chứa, ao lắng trước khi cấp vào ao nuôi, bón vôi với liều lượng 15 - 20 kg/1000 m² mặt nước để đưa pH về khoảng phù hợp (7,5 - 8,5); thường xuyên kiểm tra, theo dõi pH trong ao nuôi để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

+ Nguồn nước cấp có giá trị độ mặn cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép (>25‰): cần tiến hành theo dõi, có biện pháp lưu trữ nước và điều chỉnh độ mặn thích hợp nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép (7 - 25 ‰) trước khi cấp vào ao nuôi.

+ Nguồn nước cấp có độ kiềm thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép (<100 mg/l): cần tăng cường bổ sung các sản phẩm khoáng tăng kiềm kết hợp với vôi trong ao chứa, ao lắng đảm bảo độ kiềm nằm trong khoảng 100 - 200 mg/l trước khi cấp vào ao nuôi, nhằm tăng khả năng lột vỏ và phát triển tốt cho tôm (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

+ Nguồn nước cấp có hàm lượng oxy hòa tan thấp (<5mg/l): cần tăng cường quạt khí trong chứa và ao nuôi giúp tăng hàm lượng oxy hòa tan. Trước khi cấp nước vào ao nuôi cần kiểm tra theo dõi hàm lượng oxy hòa tan đảm bảo nằm trong khoảng 5 - 9 mg/l, tránh tình trạng tôm chết do thiếu oxy cục bộ.

- Nguồn nước cấp phải được bơm xử lý qua bể lọc hoặc túi lọc (đường kính lỗ lọc ≤200 μm) để loại bỏ hoàn toàn các ấu trùng, rác thải, các loài động vật cua, ốc, cá tạp...; khử trùng bằng các hóa chất diệt khuẩn BKC, Chlorine,... (liều lượng theo hướng dẫn nhà sản xuất); quạt nước để loại bỏ hoá chất khử trùng và tăng cường oxy hoà tan trước khi cấp vào ao nuôi; kiểm tra các thông số môi trường đảm bảo nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép để nuôi tôm mới cấp vào ao nuôi.

Chi cục Thủy sản kính thông báo để quý cơ quan, đơn vị được biết; đồng thời kính đề nghị UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và UBND thành phố Đông Hà chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn kịp thời thông báo đến các chủ cơ sở nuôi tôm biết để nắm bắt được thực trạng chất lượng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm tập trung, có kế hoạch sản xuất hợp lý, áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm quản lý tốt chất lượng môi trường nước đầu vào và nước ao nuôi, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy sản (b/c);
- Cục Thú y (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Sở TN&MT (b/c);
- UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và UBND thành phố Đông Hà;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đ/b);
- Các Trung tâm: Khuyến nông, Giống nông nghiệp tỉnh (đ/b);
- Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc (p/h);
- Phòng NN&PTNT các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và Phòng Kinh tế thành phố Đông Hà;
- UBND các xã: Vĩnh Thái, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm, Vĩnh Giang, Trung Giang, Gio Mai, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Phước, Triệu Độ, Hải An;
- UBND các phường: Đông Giang, Đông Lễ;
- UBND xã Hải Khê (tham khảo);
- Bản tin Nông nghiệp tỉnh;
- Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp (để đăng tin);
- Lưu: VT, NTTS.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Hữu Thặng